

Số: 127 /BC-GOT

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Thực hiện công khai năm học 2023-2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT).

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT thành phố Thủ Đức quy định về công khai minh bạch trong hoạt động cơ quan đơn vị.

Trường tiểu học Giồng Ông Tố báo cáo thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. Nội dung công khai:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 của trường tiểu học theo hướng dẫn tuyển sinh của Ủy ban nhân dân và Phòng Giáo dục và đào tạo, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đoạt giải của hội thi, số học sinh dự xét Hoàn thành chương trình bậc Tiểu học, số học sinh được công nhận Hoàn thành chương trình bậc Tiểu học (Theo Biểu mẫu 06).

c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, Báo cáo đánh giá ngoài.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a. Cơ sở vật chất:



Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo Biểu mẫu 07).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 08).

3. Công khai thu chi tài chính:

a. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017-TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

b. Các khoản thu chi theo từng năm học: các khoản thu chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách: hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

d. Kết quả kiểm toán (nếu có):

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 1562/QĐ-KBNN ngày 08/9/2016 của Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy định về công khai kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

e. Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học.

f. Các nguồn thu ngoài học phí:

Các nguồn thu khác theo thỏa thuận

g. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học

III. Kết quả thực hiện

1. Hình thức công khai:

- Công khai trên website của nhà trường
<http://thgiongongto.hcm.edu.vn>
- Niêm yết công khai tại nhà trường
- Công khai trong các kì họp CMHS

2. Thời điểm công khai:

- Công khai vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, cập nhật khi khai giảng năm học(tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.
- Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

3. Đã công khai các nội dung

Nhà trường đã triển khai Thông tư 36/2017/TT –BGDDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc công khai theo quy định.

3.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 theo biểu mẫu 05
- Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2023-2024 theo biểu mẫu 06

- Kiểm định cơ sở giáo dục: Nhà trường tiếp tục thực hiện các nội dung tự đánh giá và các nội dung cải tiến chất lượng theo kết quả đánh giá ngoài năm học 2021

3.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2023-2024 theo biểu mẫu 07
- Quyết định của UBND thành phố Thủ Đức ngày 25/12/2023 về giao chỉ tiêu dự toán, chi ngân sách năm 2024
- Công khai Quyết định phê duyệt mua sắm trang thiết bị và sửa chữa tài sản công năm 2024.
- Công khai nâng lương trước niên hạn năm 2023
- Công khai bản kê khai tài sản thu nhập năm 2023
- Công khai quyết toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2023
- Công khai lương, phụ cấp và trợ cấp khác và các khoản thu nhập khác của CB-GV-NV hằng tháng.
- Công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

IV. Việc thực hiện báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2024-2025

Nhà trường báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học 2023-2024 và kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2024-2025 vào đầu năm học và trong Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2024-2025.

V. Nhận xét – đánh giá

1. Ưu điểm

- Nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch thực hiện quy chế công khai của năm học 2023-2024 đến toàn thể CB, GV, NV và phụ huynh học sinh.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện công khai của nhà trường.

2. Hạn chế : không có

VI. Đề nghị : Không

Nơi nhận:

- Cán bộ quản lý;
- Các bộ phận trong nhà trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Ngọc Diễm



Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIỒNG ÔNG TỎ

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2024-2025

(Kèm theo TT36/2027/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Độ tuổi: học sinh sinh năm 2018 - Bản sao giấy khai sinh hợp lệ. - Địa bàn tuyển sinh: Có hộ khẩu thường trú ở Khu phố phường Bình Trưng Tây - Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo kế hoạch phân bổ của UBND thành phố Thủ Đức				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình GDPT 2018 - Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ trưởng GDĐT và hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học. - HS khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân và Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật. - Số tiết học: 7 tiết/ ngày - Số buổi học: 10 buổi/ tuần (có tổ chức bán trú) 100% học sinh được học tiếng anh 100% học sinh khối 3,4,5 được học tin học				

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: + Phối hợp với gia đình trong việc quản lý, giáo dục HS và thực hiện những nhiệm vụ do nhà trường đề ra. + Nhà trường, GVCN, các GV bộ môn phối hợp với gia đình HS của lớp để chăm sóc, giáo dục HS tích cực, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ quy định của Điều lệ và nội quy nhà trường. + Giáo viên chủ nhiệm chủ động trong việc phối hợp chăm sóc, quản lý, giáo dục HS. Gia đình HS chịu trách nhiệm đối với những sai lầm khuyết điểm của con em mình theo quy định của pháp luật và thực hiện kế hoạch của GVCN, của nhà trường. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh + Thực hiện nghiêm túc đầy đủ những yêu cầu của việc học tập, chấp hành tốt nội quy nhà trường có ý thức tự giác trong học tập, đi học đều và đúng giờ, giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. + Kính trọng, lễ phép thầy, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi, đoàn kết yêu thương giúp đỡ bạn bè và người tàn tật, khuyết tật. + Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân + Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp, giữ gìn bảo vệ tài sản nơi công cộng, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. + Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống nhà trường
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Học sinh tham gia các hoạt động Đội thiếu niên tiến phong Hồ Chí Minh, được tham gia các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ đầu tuần theo đúng chủ điểm. Sinh hoạt ngoại khóa 2 lần/năm học Sinh hoạt chủ điểm các ngày lễ lớn. Tổ chức các ngày lễ hội: Giỗ Tổ Hùng Vương, Trung thu, Tết nguyên đán, Lễ ra trường cho học sinh lớp 5... Tổ chức hoạt động NGLL theo mục tiêu giáo dục của từng tổ, khối Giáo dục truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ: bóng đá, bóng rổ, cầu lông, mỹ thuật, nhảy hiện đại. Tổ chức học tập giao lưu với giáo viên bản ngữ (tiếng anh Tăng cường, tiếng anh Tích hợp)
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự	* Về năng lực, phẩm chất: + 100% HS được đánh giá đạt về năng lực, phẩm chất trở lên (Theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT). * Về học tập: + Trên 99,4 % HS hoàn thành chương trình lớp học (từ lớp 1 đến lớp 4);



	kiến đạt được	+ 100% HS lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học * Về sức khỏe: + 100% HS có đủ sức khỏe theo học và được khám sức khỏe định kỳ hàng năm
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh tiếp thu tốt các kiến thức lý năng cần thiết, rèn luyện về đạo đức để đủ điều kiện học tập ở các lớp cao hơn và các cấp học tiếp theo.

Giồng Ông Tố, ngày 28 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Ngọc Diễm

Biểu mẫu 06
ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIỒNG ÔNG TỐ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm 2023 – 2024

(Kèm theo TT36/2027/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2217	480	488	444	392	413
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	2217	480	488	444	392	413
III	Số học sinh chia theo năng lực	CT GDPT 2018					CT GDPT 2006
1	Tốt	1704	460	423	376	404	395
2	Đạt	99	44	14	10	11	18
3	Cần cố gắng	12	8	3	1	0	0
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất	CT GDPT 2018					CT GDPT 2006
1	Tốt	1740	443	474	437	386	395
2	Đạt	63	36	14	7	6	18
3	Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập	CT GDPT 2018					CT GDPT 2006
1	Hoàn thành xuất sắc	1082	334	295	207	246	312
2	Hoàn thành tốt	208	70	93	86	69	68
3	Hoàn thành	500	110	152	163	75	33
4	Chưa hoàn thành	12	8	3	1	0	0
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Hoàn thành chương trình lớp học	1790	471	485	442	392	413
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường	1286	359	331	279	317	413
b	HS được cấp trên khen thưởng		0	0	0	1	0
2	Chưa hoàn thành chương trình lớp học	8	3	0	1	0	0

Giồng Ông Tố, ngày 28 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Ngọc Diễm

Biểu mẫu 07**ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC****TRƯỜNG TIỂU HỌC GIỒNG ÔNG TÔ****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025**

(Kèm theo TT36/2027/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/ số lớp	51	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	51	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
	Phòng học tạm		-
	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	12.808.8	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	7252	
VI	Tổng diện tích các phòng	1978	
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	433	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	112	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	172	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	64	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	90	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có theo quy định	51	
1.1	Khối lớp 1	12	
1.2	Khối lớp 2	11	
1.3	Khối lớp 3	10	
1.4	Khối lớp 4	9	
1.5	Khối lớp 5	9	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		



	còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		... học sinh/ bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/ lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	17	
3	Đầu video/ đầu đĩa	20	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Bảng tương tác	3	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	180
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/ chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu bán trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng chung cho giáo viên	Dùng chung cho học sinh		Số m ² / học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12		16		0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 20/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối Internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử	x	

	(website)		
XIX	Tường rào xây	X	

Giồng Ông Tố, ngày 28 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Ngọc Diễm



Biểu mẫu số 08
ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIỒNG ÔNG TỔ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	81		4	71	4	0	2							
	Giáo viên	69		3	61	4	1	0	0	38	34	25	44	0	
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	18													
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	10			9	1			1	1	7	1	9		
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	1			1					1			1		
5	Mỹ thuật	2			2				1	1			2		
6	Thể dục	4			4				1	2	1	2	1		
II	Cán bộ quản lý	3									3	1	2		
1	Hiệu trưởng	1		1							2	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							1		2		
III	Nhân viên	9													
1	Nhân viên văn thư	1				1			1						
2	Nhân viên kế toán	1					1		1						
3	Thủ quỹ	1			1						1				
4	Nhân viên y tế	0				0			0						
5	Nhân viên thư viện	1				1			1						
6	Nhân viên thiết bị	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
9	Bảo vệ - Phục vụ	5			1	1		3							

Giồng Ông Tố, ngày 28 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Ngọc Diễm